

Số: /2024/QĐ-UBND Lạng Sơn, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO
(Lần 1)

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quản lý nhà nước về Giá trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số /TTr-STC ngày tháng 9 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý nhà nước về Giá trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2024.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 29/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn ban hành quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Quyết định số 24/2020/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bổ sung điểm đ, khoản 2 Điều 8 quy định quản lý nhà nước về Giá trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn ban hành kèm theo Quyết định số 29/2018/QĐ-UBND ngày 28/02/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn; Quyết định số 48/2018/QĐ-UBND ngày 20/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 29/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn ban hành quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Quyết

định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân công thẩm định giá đối với tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chính phủ (B/cáo);
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Thành ủy, Huyện ủy, UBND các huyện, thành phố;
- Các sở, ban, ngành;
- Báo Lạng Sơn, Đài PTTH tỉnh;
Công báo tỉnh, Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- PCVP UBND tỉnh, các Phòng CM;
- Lưu: VT, KT(.....).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đoàn Thanh Sơn

QUY ĐỊNH

Quy định quản lý nhà nước về Giá trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

(Kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngàytháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định chức năng, nhiệm vụ; phân công, phân cấp thực hiện quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn bao gồm: Bình ổn giá; Định giá; Hiệp thương giá; Kê khai giá; Kiểm tra yếu tố hình thành giá; Tổng hợp phân tích, dự báo thị trường cơ sở dữ liệu về giá; Thẩm định giá của nhà nước; Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật và xử lý vi phạm pháp luật về giá, thẩm định giá.

2. Những nội dung về quản lý nhà nước về giá không quy định tại Quy định này thì áp dụng theo quy định của Luật Giá, các Nghị định, Thông tư hướng dẫn Luật Giá và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan nhà nước, đơn vị, Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện quản lý về giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh.

2. Các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ; người tiêu dùng; tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá trên địa bàn tỉnh.

(Quy định tại Điều 1, 2 Luật Giá)

Điều 3. Nội dung quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh

1. Ủy ban nhân dân tỉnh là cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giá tại tỉnh Lạng Sơn theo quy định của pháp luật; Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định, phân công nhiệm vụ cho Sở Tài chính, các Sở quản lý ngành, lĩnh vực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và phân công, phân cấp cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (Sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện) tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá tại địa phương theo Quy định này.

2. Sở Tài chính

a) Là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà

nước về giá, thẩm định giá.

b) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật về giá thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý; phối hợp với các sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về giá.

c) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá, Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, hàng hóa, dịch vụ thiết yếu phải kê khai giá để gửi Bộ Tài chính tổng hợp trình Chính phủ trên cơ sở đề xuất của các sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực.

d) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chủ trương bình ổn giá trên cơ sở đề xuất của các sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực; tổ chức triển khai thực hiện bình ổn giá đối với hàng hóa, dịch vụ theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

đ) Tham mưu định giá hàng hóa, dịch vụ theo nhiệm vụ được phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

e) Tiếp nhận kê khai giá hàng hóa, dịch vụ; Thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và chế độ báo cáo giá thị trường theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

g) Tổ chức hiệp thương giá hàng hóa, dịch vụ theo nhiệm vụ được phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

h) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương (Phần mềm Nền tảng số Quản lý giá trên địa bàn tỉnh) và kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá theo quy định của Chính phủ; tổ chức quản trị, điều hành hoạt động và thực hiện cập nhật thông tin, dữ liệu về giá vào Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

i) Tổ chức hoạt động thẩm định giá của Nhà nước thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

k) Thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về giá, thẩm định giá theo quy định của pháp luật về thanh tra.

l) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật và xử lý vi phạm pháp luật về giá, thẩm định giá theo chức năng, lĩnh vực, phạm vi quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá.

m) Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực giá, thẩm định giá thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

n) Nhiệm vụ, quyền hạn khác về quản lý nhà nước về giá theo quy định của pháp luật có liên quan và phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Các Sở, Ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh (sau đây gọi chung là Sở quản lý)

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giá đối với ngành, lĩnh vực

thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và theo nhiệm vụ phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Quy định này.

b) Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền để quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật thuộc phạm vi, ngành, lĩnh vực quản lý.

c) Đề xuất điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá, Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, hàng hóa, dịch vụ thiết yếu phải kê khai giá gửi Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tài chính tổng hợp trình Chính phủ theo quy định (nếu cần thiết).

d) Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chủ trương bình ổn giá; tổ chức triển khai thực hiện bình ổn giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực và theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

đ) Tham mưu định giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh định giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

e) Tiếp nhận kê khai giá hàng hóa, dịch vụ theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

g) Tổ chức hiệp thương giá hàng hóa, dịch vụ theo ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý.

h) Thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

i) Thực hiện cập nhật thông tin, dữ liệu về giá vào Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương theo Quy chế quản lý, sử dụng và khai thác Nền tảng số Quản lý giá trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

k) Tổ chức hoạt động thẩm định giá của Nhà nước đối với tài sản, hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý theo ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật.

l) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật và xử lý vi phạm pháp luật về giá, hoạt động thẩm định giá của Nhà nước theo chức năng, lĩnh vực, phạm vi quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá.

m) Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực giá, thẩm định giá của Nhà nước thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

n) Nhiệm vụ, quyền hạn khác về quản lý nhà nước về giá theo quy định của pháp luật có liên quan và phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện là cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Tổ chức triển khai thực hiện bình ổn giá trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh; phối hợp với các địa phương khác trong việc triển khai thực hiện bình ổn giá.

c) Tổng hợp, đề xuất phương án giá đối với các hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá trên địa bàn huyện.

d) Tổ chức tiếp nhận kê khai giá hàng hóa, dịch vụ theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

đ) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

e) Tổ chức thực hiện cập nhật thông tin, dữ liệu về giá vào Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh; phối hợp với Sở Tài chính triển khai các hoạt động cụ thể của Cơ sở dữ liệu về giá.

g) Tổ chức hoạt động thẩm định giá của Nhà nước thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

h) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật và xử lý vi phạm pháp luật về giá, hoạt động thẩm định giá của Nhà nước trên địa bàn theo phạm vi quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá.

i) Giải quyết khiếu nại, tố cáo về giá, thẩm định giá thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

k) Nhiệm vụ, quyền hạn khác về quản lý nhà nước về giá theo quy định của pháp luật có liên quan và phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chương II **NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Mục 1 **BÌNH ỔN GIÁ**

Điều 3. Phân công tổ chức thực hiện bình ổn giá

1. Sở quản lý ngành, lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá có trách nhiệm đề xuất, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh và tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện bình ổn giá đối với các mặt hàng cụ thể như sau:

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì đối với các mặt hàng thóc tẻ, gạo tẻ; phân đạm, phân DAP, phân NPK; thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản; vắc - xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm; thuốc bảo vệ thực vật;

b) Sở Công Thương chủ trì đối với các mặt hàng xăng, dầu thành phẩm; khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG);

c) Sở Y tế chủ trì đối với mặt hàng sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi, thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

d) Sở quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì đối với hàng hóa, dịch vụ được bổ sung vào Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá và hàng hóa, dịch vụ không nằm trong Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá nhưng cần bình ổn giá ngay theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 20 của Luật Giá. Trường hợp hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực quản lý của nhiều sở, ngành thì Ủy ban nhân dân tỉnh phân công cho một trong các sở quản lý ngành, lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ chủ trì.

(Phân công theo khoản 3 Điều 16 Luật Giá; Khoản 1 Điều 7 Nghị định 85)

2. Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chủ trương bình ổn giá, biện pháp bình ổn giá theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 20 của Luật Giá trên cơ sở đề xuất của các Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực; Tổ chức triển khai thực hiện bình ổn giá đối với hàng hoá, dịch vụ theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

(Phân công theo quy định tại Điểm c, khoản 1 và Điểm b khoản 2 Điều 20)

3. Ngân hàng Nhà nước tỉnh phối hợp với các sở, ngành trong việc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh và tổ chức thực hiện đối với biện pháp tiền tệ phù hợp với quy định của pháp luật để bình ổn giá.

(Phân công theo Khoản 3 Điều 7 Nghị định 85)

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp bình ổn giá trên địa bàn theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh; Phối hợp với các địa phương khác trong việc triển khai thực hiện bình ổn giá.

(Phân công theo điểm b khoản 2 Điều 20 Luật Giá; điểm a, khoản 2 Điều 6 Nghị định 85)

5. Tổ chức thực hiện bình ổn giá thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật Giá và Điều 5, Điều 6 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

Điều 4. Điều chỉnh danh mục hàng hoá, dịch vụ bình ổn giá

1. Sở quản lý ngành, lĩnh vực đề xuất với Sở Tài chính để tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị điều chỉnh danh mục hàng hoá, dịch vụ bình ổn giá để gửi Bộ Tài chính tổng hợp trình Chính phủ.

2. Trình tự, thủ tục đề nghị điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

(Quy định tại khoản 6 Điều 16 Luật Giá; khoản 3 Điều 17 Luật Giá)

Mục 2 ĐỊNH GIÁ

Điều 5. Trách nhiệm lập phương án giá thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thuộc danh mục hàng hoá, dịch vụ do nhà nước định giá thuộc cấp tỉnh quản lý có trách nhiệm lập phương án giá hàng hoá, dịch vụ theo phương pháp định giá chung đối với hàng hoá, dịch vụ do nhà nước định giá quy định tại Thông tư số 45/2024/TT-BTC ngày 01/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và quy định của pháp luật chuyên ngành gửi cơ quan, đơn vị thẩm định phương án giá theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh; giải trình về phương án giá trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu giải trình, cung cấp hồ sơ tài liệu liên quan theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thuộc danh mục hàng hoá, dịch vụ do nhà nước định giá thuộc cấp huyện quản lý có trách nhiệm lập phương án giá hàng hoá, dịch vụ theo phương pháp định giá chung đối với hàng hoá, dịch vụ do nhà nước định giá quy định tại Thông tư số 45/2024/TT-BTC ngày 01/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và quy định của pháp luật chuyên ngành gửi UBND cấp huyện để tổng hợp, đề xuất phương án giá, trình cơ quan, đơn vị thẩm định phương án giá theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh; giải trình về phương án giá trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu giải trình, cung cấp hồ sơ tài liệu liên quan theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

(Quy định tại Điều 23 Luật Giá)

2. Tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hoá, dịch vụ có trách nhiệm lập Phương án giá hàng hoá, dịch vụ theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

(Quy định tại khoản 4 Điều 9 Nghị định 85)

Điều 6. Hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh.

1.

Phương án 01: Không phân cấp định giá

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá hàng hoá, dịch vụ theo thẩm quyền thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh. Danh mục hàng hoá, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh theo phân công tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này.

Phương án 02 : Phân cấp định giá

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá hàng hoá, dịch vụ theo thẩm quyền và phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện định giá thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh. Danh mục hàng hoá, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện theo phân công tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này.

2. Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh danh mục hàng hoá, dịch vụ do Nhà nước định giá, UBND cấp huyện, tổ chức, đơn vị đề nghị điều chỉnh đánh giá sự cần thiết của việc điều chỉnh danh mục hàng hoá, dịch vụ do Nhà nước định giá trên cơ sở tiêu chí về hàng hoá, dịch vụ do Nhà nước định giá quy định tại khoản 1 Điều 21 Luật Giá và các căn cứ quy định tại Điều 8 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ, gửi văn bản về Sở quản lý ngành xem xét, đánh giá, đề xuất gửi Sở Tài chính tổng hợp báo cáo UBND tỉnh để lập văn bản gửi Bộ Tài chính theo quy định.

3. Đối với hàng hoá, dịch vụ chưa có quy định về đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, Sở quản lý ngành có trách nhiệm tham mưu cho UBND tỉnh ban hành theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 3 Quy định định này.

Điều 7. Phân công thẩm định phương án giá thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

1. Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực được UBND tỉnh giao chủ trì thẩm định theo phân công tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này, trình UBND tỉnh giá hàng hoá, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của UBND tỉnh việc lựa chọn, yêu cầu cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hoá, dịch vụ lập phương án giá theo quy định tại điểm đ khoản 1, điểm d khoản 2 và khoản 3 Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

2. Trình tự, thủ tục thẩm định phương án giá, trình và ban hành văn bản định giá thực hiện theo quy định tại Điều 10, Điều 11 Nghị định số Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

(Quy định tại khoản 4 Điều 16 Luật Giá; Điều 21 Luật Giá và Điều 9, 10, Điều 11 Nghị định số 85)

Điều 7. Điều chỉnh danh mục hàng hoá, dịch vụ do Nhà nước định giá

1. Sở quản lý ngành, lĩnh vực đề xuất với Sở Tài chính để tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị điều chỉnh danh mục hàng hoá, dịch vụ bình ổn giá để gửi Bộ Tài chính tổng hợp trình Chính phủ.

2. Trình tự, thủ tục đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hoá, dịch vụ do Nhà nước định giá theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ.

(Quy định tại khoản 6 Điều 16 Luật Giá; khoản 5 Điều 21 Luật Giá)

Mục 3 HIỆP THƯƠNG GIÁ

Điều 8. Trách nhiệm hiệp thương giá

1. Tổ chức kinh doanh hàng hoá, dịch vụ đề nghị hiệp thương giá đối với mua bán hàng hoá, dịch vụ đáp ứng tiêu chí quy định tại Điều 25 Luật Giá; Trước khi hiệp thương giá Tổ chức kinh doanh hàng hoá, dịch vụ có trách nhiệm gửi 01 bản chính văn bản đề nghị hiệp thương giá trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc dịch vụ công trực tuyến nếu có đến cơ quan hiệp thương giá bao gồm

các nội dung về: tên hàng hóa, dịch vụ; quy cách, phẩm chất; số lượng; mức giá đề nghị; thời điểm thi hành mức giá; điều kiện thanh toán của hàng hóa, dịch vụ kèm theo giải trình thuyết minh hàng hóa, dịch vụ đáp ứng tiêu chí quy định tại Điều 25 của Luật Giá và phù hợp với phạm vi quản lý của cơ quan hiệp thương giá quy định tại khoản 2 Điều 26 của Luật Giá. Văn bản đề nghị hiệp thương giá thực hiện theo Mẫu số 01 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

2. Sở quản lý chuyên ngành, lĩnh vực có trách nhiệm tiếp nhận, tổ chức hiệp thương giá, quá trình hiệp thương giá phải đảm bảo khách quan, công khai, minh bạch, tôn trọng quyền tự định giá của các bên đề nghị hiệp thương giá; Từ chối xác định mức giá hàng hoá, dịch vụ nếu không đủ các điều kiện cần thiết để tiến hành xác định mức giá quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP và các tài liệu cung cấp không đầy đủ hoặc không có giá trị để xác định mức giá.

Điều 9. Tổ chức hiệp thương giá

Sở quản lý ngành, lĩnh vực tổ chức hiệp thương giá đối với hàng hoá, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý theo trình tự thủ tục quy định tại Điều 27 Luật Giá và Điều 13 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ.

(Quy định tại khoản 8 Điều 16 Luật Giá)

Mục 4 KÊ KHAI GIÁ

Điều 10. Quy định hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương

1. Hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương gồm:
 - a) Dịch vụ lưu trú;
 - b) Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước;
 - c) Dịch vụ tham quan tại khu du lịch trên địa bàn;
 - d) Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi;
 - đ) Dịch vụ vận tải hành khách tham quan du lịch;
 - đ) Vật liệu xây dựng chủ yếu khác (ngoài xi măng, thép quy định tại Danh mục kê khai giá trên phạm vi cả nước);
 - e) Giống phục vụ sản xuất nông nghiệp;
 - g) Dịch vụ chủ yếu tại chợ ngoài dịch vụ do Nhà nước định giá.

(Quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định số 85)

2. Phân công tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đặc điểm kinh tế - kỹ thuật hàng hoá dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá:

a) Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch: Dịch vụ lưu trú; Dịch vụ tham quan tại khu du lịch trên địa bàn tỉnh;

b) Sở Giao thông vận tải: Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước; Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi; Dịch vụ vận tải hành khách tham quan du lịch;

c) Sở Xây dựng: Vật liệu xây dựng chủ yếu khác (ngoài xi măng, thép quy định tại Danh mục kê khai giá trên phạm vi cả nước);

d) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Giống phục vụ sản xuất nông nghiệp;

đ) Sở Công thương: Dịch vụ chủ yếu tại chợ ngoài dịch vụ do Nhà nước định giá.

(Quy định tại khoản 4, 5, 6 Điều 28 Luật Giá và bổ sung gửi kê khai Trang thông tin điện tử của Sở Tài chính là cơ quan được giao quản lý nhà nước về giá)

Điều 11. Phân công cơ quan tiếp nhận kê khai giá

1. Cơ quan tiếp nhận kê khai giá hàng hóa, dịch vụ được quy định tại Phụ lục II kèm theo Quy định này. Cách thức tiếp nhận kê khai giá thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ.

2. Cơ quan tiếp nhận kê khai thực hiện quyền và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ.

(Quy định tại Khoản 5 Điều 16 Luật Giá và Điều 16 Nghị định số 85)

Điều 12. Điều chỉnh danh mục hàng hoá, dịch vụ thực hiện kê khai giá.

1. Sở quản lý ngành, lĩnh vực đánh giá sự cần thiết của việc điều chỉnh, đề xuất và phối hợp với Sở Tài chính về việc tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hoá, dịch vụ phải kê khai giá thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

2. Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hoá, dịch vụ thực hiện kê khai giá để gửi Bộ Tài chính tổng hợp trình Chính phủ trên cơ sở đề xuất của các Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực.

3. Trình tự, thủ tục đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hoá, dịch vụ do Nhà nước định giá theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ.

(Quy định tại khoản 7 Điều 16 Luật Giá; Điều 15 Nghị định 85)

Mục 5

KIỂM TRA YẾU TỐ HÌNH THÀNH GIÁ

Điều 13. Kiểm tra yếu tố hình thành giá

Các sở quản lý ngành, lĩnh vực; Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ các trường hợp thực hiện kiểm tra yếu tố hình thành giá hàng hoá, dịch vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Luật giá có trách nhiệm kiểm tra yếu tố hình thành giá theo quy định tại Điều 33 Luật giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý để kịp thời rà soát, đánh giá tính hợp lý, hợp lệ của các yếu tố hình thành giá, cung cầu hàng hoá, dịch vụ nhằm nhận diện các yếu tố tác động đến giá hàng hoá, dịch vụ để xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền thực hiện các giải pháp, biện pháp quản lý, điều tiết giá cho phù hợp.

Mục 6

TỔNG HỢP, PHÂN TÍCH, DỰ BÁO GIÁ THỊ TRƯỜNG, CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ GIÁ

Điều 14. Đối tượng thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường

1. Đối tượng thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường:
 - a) Sở Tài chính;
 - b) Các cơ quan được giao nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường tại Điều 11, Điều 12 Quy định này.
 - c) Các tổ chức, cá nhân được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường.
2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường trình cấp có thẩm quyền theo phân công được giao.
3. Nội dung báo cáo giá thị trường thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 36 của Luật Giá; thực hiện báo cáo theo danh mục hàng hóa, dịch vụ quy định tại Phụ lục II và theo mẫu quy định tại Phụ lục IV của Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (Thông tư số 29/2024/TT-BTC).

Điều 15. Báo cáo giá thị trường định kỳ

1. Sở Tài chính tham mưu xây dựng báo cáo giá thị trường tổng hợp định kỳ của địa phương, trình UBND tỉnh gửi báo cáo cho Bộ Tài chính (Cục Quản lý Giá) tổng hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 15, khoản 1, khoản 2 Điều 16 Thông tư số 29/2024/TT-BTC trên cơ sở tổ chức thực hiện công tác tổng hợp,

phân tích, dự báo giá thị trường và tổng hợp báo cáo của các cơ quan được giao nhiệm vụ báo cáo tại khoản 2 Điều này.

2. Phân công thực hiện nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường định kỳ

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với các mặt hàng Thóc tẻ, Gạo tẻ, Đường ăn thuộc danh mục Lương thực, thực phẩm và nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Vật tư nông nghiệp tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

b) Sở Xây dựng tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Vật liệu xây dựng, chất đốt (trừ mặt hàng Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)) tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

c) Sở Công Thương tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với mặt hàng Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) thuộc danh mục Vật liệu xây dựng, chất đốt tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

d) Sở Y tế tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Dịch vụ y tế tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

đ) Sở Giao thông Vận tải tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Giao thông trên địa bàn tỉnh tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

e) Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với danh mục học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục mầm non công lập và cơ sở giáo dục phổ thông công lập thuộc danh mục Dịch vụ giáo dục trên địa bàn tỉnh tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư 29/2024/TT-BTC.

g) Cục Thống kê tỉnh phối hợp cung cấp báo cáo chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của địa phương; Phân tích diễn biến CPI của địa phương trong kỳ báo cáo (nếu có); phân tích thực trạng, nguyên nhân của các yếu tố tác động đến CPI (nếu có).

h) Các cơ sở giáo dục đại học công lập, cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh có trách nhiệm báo cáo về mức học phí, mức giá dịch vụ giáo dục, đào tạo thuộc thẩm quyền quyết định của đơn vị mình theo yêu cầu của Sở Tài chính để phục vụ công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với danh mục học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục đại học công lập và cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc danh mục Dịch vụ giáo dục trên địa bàn tỉnh tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư 29/2024/TT-BTC.

i) UBND các huyện, thành phố tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn huyện quản lý đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Lương thực, thực phẩm tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư 29/2024/TT-BTC.

3. Tần suất thực hiện, thời gian chốt số liệu báo cáo và thời hạn của báo cáo giá thị trường định kỳ gửi Sở Tài chính tổng hợp:

a) Tần suất thực hiện báo cáo: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 16 Thông tư 29/2024/TT-BTC.

b) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 16 Thông tư 29/2024/TT-BTC.

c) Thời hạn gửi báo cáo: Các cơ quan được giao nhiệm vụ báo cáo tại khoản 2 Điều này định kỳ xây dựng và gửi báo cáo giá thị trường về Sở Tài chính trước ngày 02 của tháng tiếp theo sau tháng kỳ báo cáo đối với báo cáo tháng và trước ngày 03 của tháng tiếp theo sau tháng cuối cùng của kỳ báo cáo đối với báo cáo quý, 6 tháng, 9 tháng và cả năm; đối với báo cáo 6 tháng, 9 tháng và cả năm, thực hiện báo cáo tương ứng quý II và 6 tháng, quý III và 9 tháng, quý IV và cả năm.

Điều 16. Báo cáo giá thị trường đột xuất

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường đột xuất của địa phương để gửi báo cáo theo yêu cầu của Bộ Tài chính (Cục Quản lý Giá) đề tổng hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 15, khoản 1, khoản 3 Điều 16 Thông tư 29/2024/TT-BTC; tham mưu UBND tỉnh báo cáo giá thị trường tổng hợp đột xuất trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ khi có yêu cầu.

2. Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và tham mưu UBND tỉnh báo cáo giá thị trường chuyên ngành đột xuất thuộc lĩnh vực quản lý trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ khi có yêu cầu; gửi báo cáo đột xuất theo yêu cầu phối hợp của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực;

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường thuộc địa bàn quản lý để gửi báo cáo đột xuất cho Sở Tài chính tổng hợp theo quy định; gửi báo cáo đột xuất cho các Sở quản lý ngành, lĩnh vực khi có yêu cầu.

3. Thời gian chốt số liệu báo cáo, thời hạn gửi báo cáo thực hiện đảm bảo kịp thời tổng hợp báo cáo theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính và các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

Điều 17. Xây dựng và quản lý Cơ sở dữ liệu về giá

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư, xây dựng, nâng cấp và thống nhất quản lý Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương: Nền tảng số Quản lý giá trên

địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, cơ quan cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan:

a) Tổ chức việc quản trị, điều hành toàn bộ hoạt động của hệ thống Nền tảng số Quản lý giá trên địa bàn tỉnh; có nhiệm vụ duy trì, quản lý, vận hành Nền tảng số Quản lý giá trên địa bàn tỉnh; phân công đơn vị chuyên môn trực thuộc hoặc đơn vị sự nghiệp công lập để triển khai tổ chức các hoạt động quản lý, vận hành, khai thác Nền tảng số Quản lý giá trên địa bàn tỉnh và kết nối dữ liệu về Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ban hành và tổ chức thực hiện quy chế hoạt động, vận hành, khai thác thông tin, dữ liệu từ Nền tảng số Quản lý giá trên địa bàn tỉnh.

2. Các sở, ngành, cơ quan cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ban hành và tổ chức thực hiện quy chế hoạt động, vận hành, khai thác thông tin, dữ liệu từ Nền tảng số Quản lý giá trên địa bàn tỉnh.

Điều 18. Cập nhật thông tin dữ liệu vào Nền tảng số Quản lý giá trên địa bàn tỉnh

1. Sở Tài chính chịu trách nhiệm cập nhật các thông tin, dữ liệu vào Nền tảng số Quản lý giá trên địa bàn tỉnh gồm:

a) Báo cáo giá thị trường của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của Bộ Tài chính;

b) Giá tính lệ phí trước bạ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định của pháp luật;

c) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh do Sở Tài chính chủ trì tham mưu;

d) Danh sách các doanh nghiệp thực hiện kê khai giá; giá hàng hóa dịch vụ thực hiện kê khai thuộc thẩm quyền Sở Tài chính tiếp nhận kê khai giá;

đ) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do Sở Tài chính quyết định thành lập hoặc tham mưu cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập.

e) Giá hàng hóa dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh do Sở Tài chính chủ trì tham mưu hoặc quyết định ban hành theo thẩm quyền.

2. Các sở, ngành, cơ quan cấp tỉnh chịu trách nhiệm cập nhật các thông tin, dữ liệu vào Nền tảng số Quản lý giá trên địa bàn tỉnh gồm:

a) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh do sở, ngành, cơ quan mình chủ trì tham mưu;

b) Danh sách các doanh nghiệp thực hiện kê khai giá; giá hàng hóa dịch vụ thực hiện kê khai thuộc thẩm quyền sở, ngành, cơ quan mình tiếp nhận kê khai giá;

c) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do sở, ngành, cơ quan mình quyết định thành lập hoặc tham mưu cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập.

d) Giá hàng hóa dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh do sở, ngành, cơ quan mình chủ trì tham mưu hoặc quyết định ban hành theo thẩm quyền.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm cập nhật các thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương gồm:

a) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh do Ủy ban nhân dân huyện chủ trì tham mưu;

b) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do Ủy ban nhân dân huyện quyết định thành lập;

c) Giá hàng hóa dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh do Ủy ban nhân dân huyện chủ trì tham mưu ban hành hoặc quyết định ban hành theo thẩm quyền.

Mục 7

THẨM ĐỊNH GIÁ NHÀ NƯỚC

Điều 19. Hoạt động thẩm định giá của Nhà nước

1. Thẩm định giá của Nhà nước được lựa chọn thực hiện trong trường hợp pháp luật có liên quan quy định về việc sử dụng phương thức này là một trong các cơ sở để cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền xem xét quyết định, phê duyệt giá khi bán, thanh lý, cho thuê, liên doanh, liên kết, chuyển giao tài sản công hoặc mua, đi thuê hàng hóa, dịch vụ, tài sản (Sau đây gọi chung là tài sản) có sử dụng vốn nhà nước.

2. Cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt giá theo quy định tại khoản 1 Điều này khi lựa chọn phương thức thẩm định giá của Nhà nước có trách nhiệm thành lập hội đồng thẩm định giá để thực hiện thẩm định giá của Nhà nước.

3. Hoạt động thẩm định giá của Nhà nước không áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá.

Điều 20. Phân công thẩm định giá của Nhà nước

Việc phân công thẩm định giá của Nhà nước được thực hiện theo quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công.

1. Đối với tài sản thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Sở Tài chính thực hiện thẩm định giá trong trường hợp mua, bán, thanh lý, cho thuê tài sản nhà nước hoặc đi thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan

nhà nước đối với tài sản là nhà, đất (bao gồm trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp), xe ô tô.

b) Sở quản lý được giao nhiệm vụ mua, bán, thanh lý, cho thuê tài sản nhà nước hoặc đi thuê tài sản theo ngành, lĩnh vực phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước thuê doanh nghiệp thẩm định giá để thẩm định giá tài sản trước khi thực hiện các thủ tục mua, bán, thanh lý, cho thuê, đi thuê theo quy định.

2. Đối với tài sản thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao nhiệm vụ mua, bán, thanh lý, cho thuê tài sản nhà nước hoặc đi thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước thuê doanh nghiệp thẩm định giá để thẩm định giá tài sản trước khi thực hiện các thủ tục mua, bán, thanh lý, cho thuê, đi thuê theo quy định.

3. Đối với tài sản thuộc thẩm quyền Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị

Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao nhiệm vụ mua, bán, quản lý và sử dụng tài sản quyết định hình thức thực hiện các thủ tục theo quy định.

Điều 21. Hội đồng thẩm định giá

1. Quy định về Hội đồng thẩm định giá tài sản nhà nước

Thủ trưởng cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện thẩm định giá tài sản nhà nước quy định tại Điều 20 Quy định này quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giá tài sản nhà nước để thẩm định giá.

2. Hội đồng thẩm định giá thực hiện thực hiện theo quy định tại Mục 3 Chương VI Luật Giá và các văn bản hướng dẫn thi hành về thẩm định giá. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng thẩm định giá thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật Giá.

3. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi thực hiện mua, bán tài sản, cho thuê tài sản nhà nước hoặc đi thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước phải tuân thủ các quy định của nhà nước về sử dụng ngân sách, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả; nâng cao trách nhiệm, tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình khi lựa chọn đơn vị tư vấn và sử dụng kết quả thẩm định giá của đơn vị tư vấn.

Mục 8

THANH TRA CHUYÊN NGÀNH VỀ GIÁ; KIỂM TRA VIỆC CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT VỀ GIÁ, THẨM ĐỊNH GIÁ

Điều 22. Cơ quan thực hiện nhiệm vụ kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá

1. Sở Tài chính:

a) Kiểm tra các Sở quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá được Ủy ban nhân dân tỉnh phân công tại Quyết định này.

b) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Các sở, ngành, cơ quan cấp tỉnh:

a) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc.

b) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý nhà nước về giá của sở, ngành, cơ quan mình theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh tại các Điều 6, 7 và 8 quy định này và theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, địa bàn, phạm vi quản lý nhà nước về giá của Ủy ban nhân dân huyện theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh tại các Điều 6, 7 và 8 quy định này và theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 23. Xây dựng, phê duyệt và ban hành kế hoạch kiểm tra, Quyết định kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá

1. Trường hợp kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 16 quy định này:

a) Sở Tài chính có trách nhiệm xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, ban hành kế hoạch kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá;

b) Căn cứ kế hoạch kiểm tra được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, phân cấp cho Sở Tài chính ký quyết định kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá.

2. Trường hợp kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 16 quy định này:

Phân cấp cho Sở Tài chính, các sở, ngành, cơ quan cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt, ban hành kế hoạch kiểm tra và ký quyết định kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá.

3. Việc xây dựng, phê duyệt và ban hành kế hoạch, quyết định kiểm tra thực hiện theo quy định tại Điều 2, Điều 3 Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ Tài chính.

CHƯƠNG III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, đôn đốc thực hiện Quy định này.

2. Các sở, ngành, cơ quan thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ quyền hạn được giao có trách nhiệm triển khai, phổ biến Quyết định này đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá được giao thuộc phạm vi, lĩnh vực, địa bàn quản lý.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.